

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1691/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 11 năm 2018

V/v: “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ma Văn Nhất.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Mây- cán bộ hưu trí

2/ Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa- Hiệu trưởng trường mầm non Bé Ngoan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh - Cán bộ Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1325/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27/9/2018 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 448/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 359/2018/QĐHPT-ST ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Huỳnh Thị Bé N , 1967**

HKTT: A, Châu Thị K, phường 3, Thành phố Tân A, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Hải G , sinh năm: 1969**

Thường trú: A, đường TCH, khu phố 8, phường Tân Chánh H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé N trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Hải G chung sống như vợ chồng từ năm 2000, trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Khắc G Chí H , sinh ngày 22/02/2001, theo giấy khai sinh số 55/2004, quyền số 01/2004 do UBND phường

A, thị xã Tân A, tỉnh Long An, họ tên cha: Nguyễn Hải G, sinh năm 1969, họ tên mẹ Huỳnh Thị Bé N sinh năm 1967. Đến năm 2002 ông G bỏ mẹ con tôi lên thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Hiện nay con chung Nguyễn Khắc G Chí H bị bệnh trầm cảm phải vào Trung tâm phát triển nhân lực – thuộc liên hiệp các hiệp hội khoa học kỹ thuật Việt Nam để điều trị và chữa bệnh, tiền học phí và chữa bệnh cho con rất cao. Từ trước cho đến nay ông G không cấp dưỡng nuôi con, bản thân tôi khó khăn, đang phải bán vé số. Bản thân ông G hiện nay có công việc ổn định đang làm Giám sát công trình. Trong đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình hòa giải, bà N yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng: 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành và khỏi bệnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Hải G có gửi ý kiến bằng văn bản đến tòa. Ông G thừa nhận có quan hệ tình cảm với bà N từ năm 2000 tại phường A, thị xã Tân A, tỉnh Long An, Trong quá trình sinh sống ở Long An, bà N có sinh một bé trai. Ông G có gửi hàng tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho bà N nuôi con. Đến năm 2002 ông G chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, đến năm 2014 ông G công nhận trẻ Huỳnh Nguyễn Khắc G Chí H là con của ông theo Quyết định công nhận việc nuôi con số 547/UBND ngày 21/7/2014 phường A, Thành phố Long A, tỉnh Long An và trẻ Huỳnh Nguyễn Khắc G Chí H đã thay đổi họ và tên đệm thành Nguyễn Khắc G Chí H theo Quyết định về việc thay đổi họ tịch số 843/QĐ-UBND Thành phố Tân An, tỉnh Long An ngày 14/4/2015. Trong quá trình sinh sống với bà N, trẻ Chí H ham chơi nghiện chơi game, bỏ học, đến năm 2017 bà N yêu cầu ông G giúp đỡ tiền đóng học cho con, ông G đã gửi tiền 14.000.000 đồng để Chí H đi học trường cai nghiện game. Ông G và bà N có thỏa thuận miệng hàng tháng ông G gửi cho bà N 1.000.000 đồng để nuôi con, bản thân ông G hiện nay làm nghề tự do (bán hàng AMXAY) thu nhập 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng một tháng nên chỉ có khả năng phụ giúp cho bà N 1.000.000 đồng/tháng nuôi con đến khi trưởng thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ kiện tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Hải G là bị đơn và đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Hải G vắng mặt không lý do, bà Huỳnh Thị Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông G và bà Năm.

- Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào các lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu của đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Huỳnh Thị Bé N và ông Nguyễn Hải G có một con chung tên Huỳnh Nguyễn Khắc G Chí H theo Quyết định công nhận việc nuôi con số 547/UBND ngày 21/7/2014 phường A, Thành phố Long An, tỉnh Long An và trẻ Huỳnh Nguyễn Khắc G Chí H đã thay đổi họ và tên đệm thành Nguyễn Khắc G Chí H theo Quyết định về việc thay đổi hộ tịch số 843/QĐ-UBND Thành phố Tân An, tỉnh Long An ngày 14/4/2015.

Bà Huỳnh Thị Bé N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Khắc G Chí H. Trong quá trình nuôi dưỡng, do khó khăn (giấy chứng nhận hộ nghèo) nên bà N có yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi và chữa bệnh cho con 5.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành và khỏi bệnh. Ông Nguyễn Hải G thừa nhận có con chung với bà Năm, hiện nay ông G thu nhập từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng, ông có thỏa thuận miệng với bà N hàng tháng chu cấp 1.000.000 đồng/tháng cho con chung đến tuổi trưởng thành.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Huỳnh Thị Bé N và ông Nguyễn Hải G có một con chung tên Nguyễn Khắc G Chí H, hiện nay trẻ Chí H đang học tập và chữa bệnh tại Trung tâm phát triển nhân lực – thuộc liên hiệp các hiệp hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, chi phí học tập và chữa bệnh tương đối cao. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Huỳnh Thị Bé N là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Năm. Buộc ông Nguyễn Hải G có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000

đồng/tháng/con chung cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành và khỏi bệnh.

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Huỳnh Thị Bé N tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Ông Nguyễn Hải G có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/con cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành và khỏi bệnh.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Bé N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hải G không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì ông Nguyễn Hải G còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị Bé N tự nguyện chịu. Căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị Bé N thuộc trường hợp không phải nộp án phí theo quy định (hộ nghèo).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Bà Huỳnh Thị Bé N và ông Nguyễn Hải G vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất